

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HÈ
Môn: Công nghệ 10

Câu 1: Ren ngoài còn gọi là:

- A. Ren trần B. Ren lỗ **C. Ren trục** D. Ren lộ
thiên

Câu 2: Bước cuối cùng khi đọc bản vẽ lắp là gì?

A. Phân tích chi tiết để biết được hình dạng của từng chi tiết và quan hệ lắp ghép giữa các chi tiết với nhau.

B. Chỉ ra đường bao của chi tiết càng đỡ, trục M8, bánh xe.

C. Tổng hợp lại để hiểu rõ toàn bộ bộ phận lắp.

D. Đọc nội dung khung tên, bảng kê

Câu 3: Vòng đỉnh ren của ren nhìn thấy được vẽ như thế nào?

A. Vẽ hờ 3/4 đường tròn bằng nét liền đậm.

C. Vẽ hờ 3/4 đường tròn bằng nét

liền mảnh.

B. Vẽ kín bằng nét liền đậm.

D. Vẽ kín bằng nét đứt mảnh.

Câu 4: Yêu tố về sản phẩm phải thỏa mãn mấy yêu cầu?

A. Thẩm mỹ, Nhân trắc, An toàn, Vòng đời sản phẩm

B. Thẩm mỹ, Nhân trắc, An toàn, Vòng đời sản phẩm, Năng lượng và Phát triển bền vững

C. Thẩm mỹ, Nhân trắc, An toàn, Vòng đời sản phẩm, Năng lượng, Phát triển bền vững, Màu sắc

D. Thẩm mỹ, Nhân trắc, An toàn, Vòng đời sản phẩm, Giá thành

Câu 5: Trong kí hiệu ren thì ghi những gì?

A. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước đường kính của ren, bước của ren, hướng xoắn đối với ren trái.

B. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước đường kính của ren, bước của ren, hướng xoắn.

C. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước bán kính ren, số vòng xoắn đối với ren trên.

D. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước bán kính ren, số vòng xoắn đối với ren dưới.

Câu 6: Đâu **không** phải một yêu cầu kĩ thuật thường thấy?

A. Làm tù cạnh

B. Mạ kẽm

C. Tôi cứng

D. Phá vỡ cấu trúc

Câu 7: Đâu **không** phải một nội dung của bản vẽ lắp ?

A. Kích thước

B. Bảng kê

C. Giá thành

D. Khung tên

Câu 8: Hình biểu diễn của bộ phận lắp thể hiện:

A. Vị trí và cơ chế hoạt động của thiết bị. **C. Vị trí và quan hệ lắp ghép giữa các chi tiết với nhau.**

B. Giá thành và quy ước kĩ thuật.

D. Kích thước chung của sản phẩm

Câu 9: Trong các phương pháp thực hiện quy trình thiết kế, phương pháp phân tích và tổng hợp thường được sử dụng ở bước nào sau đây?

A. Xác định yêu cầu sản phẩm

B. Tìm hiểu thông tin, đề xuất lựa

chọn

C. Xác định yêu cầu sản phẩm và Kiểm tra, đánh giá

D. Kiểm tra, đánh giá

Câu 10: Bản vẽ lắp thể hiện?

A. Kĩ thuật mô phỏng các chi tiết sau khi được gia công lắp với nhau.

B. Hình dạng và vị trí chính xác của toàn bộ các chi tiết được lắp với nhau.

C. Hình dạng và vị trí quan hệ lắp ráp của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.

D. Hình dạng và cấu tạo của chi tiết

Câu 11: Bản vẽ lắp được dùng làm gì?

A. Làm hình ảnh minh họa trực quan các chi tiết của máy móc.
B. Lắp đặt và kiểm tra sản phẩm.

C. Làm thành phần đưa vào thực hiện khi gia công sản phẩm.

D. Chế tạo chi tiết

Câu 12: Câu nào sau đây **không** đúng về quy định biểu diễn đối với ren nhìn thấy?

A. Đường chân ren được vẽ bằng nét liền đậm. **B.** Đường giới hạn ren được vẽ bằng nét liền đậm.

C. Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm. **D.** Vòng đỉnh ren được vẽ bằng nét liền đậm.

Câu 13: Bước đầu tiên khi đọc bản vẽ lắp là gì?

A. Phân tích chi tiết để biết được hình dạng của từng chi tiết và quan hệ lắp ghép giữa các chi tiết với nhau.

B. Chỉ ra đường bao của chi tiết càng đỡ, trục M8, bánh xe.

C. Tổng hợp lại để hiểu rõ toàn bộ bộ phận lắp.

D. Đọc nội dung khung tên, bảng kê

Câu 14: Bản vẽ xây dựng là gì?

A. Bản vẽ các công trình xây dựng như: khu công nghiệp, cầu đường, bến cảng, công trình thủy lợi,...

B. Bản vẽ các công trình dành cho các công ty, tổ chức lớn như Tòa án Tối cao, Tòa nhà Quốc hội,

C. Loại bản vẽ dành riêng cho nhà dân dụng

D. Bản vẽ các sản phẩm máy móc, thiết bị...

Câu 15: Nguyên tắc tối thiểu tài chính:

A. Đưa ra giải pháp thiết kế sản phẩm với cùng một tính năng sử dụng có kết cấu càng đơn giản càng tốt để giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

B. Đưa ra giải pháp đáp ứng được nhiều tiêu chí thiết kế nhất

C. Đưa ra giải pháp để tạo ra sản phẩm có cùng tính năng nhưng có chi phí sản xuất, vận hành càng thấp càng tốt.

D. Thiết kế sản phẩm sao cho sử dụng ít vật liệu và tiêu tốn ít năng lượng.

Câu 16: Nguyên tắc tiết kiệm tài nguyên:

A. Đưa ra giải pháp thiết kế sản phẩm với cùng một tính năng sử dụng có kết cấu càng đơn giản càng tốt để giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

B. Đưa ra giải pháp đáp ứng được nhiều tiêu chí thiết kế nhất

C. Đưa ra giải pháp để tạo ra sản phẩm có cùng tính năng nhưng có chi phí sản xuất, vận hành càng thấp càng tốt.

D. Thiết kế sản phẩm sao cho sử dụng ít vật liệu và tiêu tốn ít năng lượng.

Câu 17: Bước đầu tiên của thiết kế kỹ thuật là gì?

A. Xác định vấn đề

B. Xác định yêu cầu

C. Tìm hiểu tổng quan

D. Đề xuất giải pháp

Câu 18: Nguyên mẫu là gì?

A. Việc khôi phục lại mẫu mã cũ của một sản phẩm nào đó nhằm tạo một hiệu ứng trong kinh doanh.

B. Là vật mẫu đầu tiên được sản xuất từ mẫu thiết kế đã được chọn lựa.

C. Là phiên bản hoạt động của giải pháp đã lựa chọn, thường được chế tạo bởi các vật liệu không giống với sản phẩm cuối cùng.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 19: Trong quá trình thiết kế, một số hoạt động được lặp đi lặp lại cho tới khi:

- A. Chán thì thôi.
- B. Đạt kết quả mong muốn.**
- C. Sếp chấp nhận
- D. Ai đó đã làm được trước mình

Câu 20: Trên chi tiết có ren ghi **M10 x 1** có nghĩa là:

- A. M: kí hiệu ren hệ mét; 10: đường kính d của ren, đơn vị mét; 1: bước ren p(mm)
- B. M: kí hiệu ren hệ milimét; 10: đường kính d của ren, đơn vị milimét; 1: bước ren p(mm)
- C. M: kí hiệu ren hệ mét; 10: đường kính d của ren, đơn vị milimét; 1: bước ren p(mm)**
- D. M: kí hiệu ren hệ mét; 10: đường kính d của ren, đơn vị milimét; 1: bước ren p(m)

Câu 21: Yếu tố về nguồn lực cơ sở sản xuất phải thỏa mãn mấy yêu cầu?

- A. Thẩm mỹ và Nhân trắc
- C. Tài chính và Công nghệ**
- B. An toàn và Công nghệ
- D. Tài chính và An toàn

Câu 22: Máy gia công là phương tiện hỗ trợ thiết kế kĩ thuật trong trường hợp nào?

- A. Khi tính toán, thiết kế, kiểm tra, xây dựng bản vẽ, soạn thảo hồ sơ kĩ thuật
- B. Khi tính toán, thiết kế, mô phỏng, soạn thảo văn bản
- C. Khi in hồ sơ kĩ thuật gồm thuyết minh và bản vẽ
- D. Sử dụng trong chế tạo mẫu, chế tạo mô hình**

Câu 23: Yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến quá trình thiết kế kĩ thuật?

- A. Yếu tố về sản phẩm và Yếu tố về nguồn lực**
- B. Yếu tố về nguồn lực và Yếu tố về con người
- C. Yếu tố về nguồn lực và Yếu tố về thời tiết
- D. Yếu tố về nguồn lực và Yếu tố về thẩm mỹ

Câu 24: Trường hợp ren bị che khuất thì:

- A. Các đường đỉnh ren, chân ren và giới hạn ren đều được vẽ bằng nét đứt mảnh.**
- B. Các đường đỉnh ren, chân ren và giới hạn ren đều được vẽ bằng nét liền mảnh.
- C. Đường đỉnh ren và chân ren được vẽ liền mảnh còn giới hạn ren thì vẽ bằng nét đứt mảnh.
- D. Đường đỉnh ren và chân ren được vẽ bằng nét đứt mảnh còn giới hạn ren thì vẽ bằng nét liền mảnh.

Câu 25: Xác định yêu cầu sản phẩm cần xác định rõ nhiệm vụ:

- A. Thiết kế sản phẩm gì
- B. Yêu cầu sản phẩm như thế nào**
- C. Đưa ra các lựa chọn sản phẩm và thiết kế sản phẩm
- D. Thiết kế sản phẩm gì và yêu cầu của sản phẩm như thế nào

Câu 26: Tính thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế được tạo thành bởi:

- A. Bố cục và phương thức tạo lập ảnh 3D.
- B. Sự sắp xếp và sử dụng các yếu tố như đường nét, hình khối, màu sắc, sự tương phản và kết cấu bề mặt.**
- C. Các tiêu chuẩn thẩm mỹ theo truyền thống văn hoá của từng nơi, từng vùng.
- D. Không gian

Câu 27: Đặc điểm chung của người làm nghề thiết kế là gì?

- A. Biết kế thừa
- C. Biết sáng tạo
- B. Biết kế thừa và sáng tạo**
- D. Biết kế thừa, sáng tạo và an toàn

Câu 28: Đặc điểm, tính chất nghề liên quan đến thiết kế trong lĩnh vực cơ khí là:

- A. Thiết kế được máy móc, thiết bị phục vụ cho đời sống và sản xuất.**
- B. Thiết kế các công trình xây dựng như nhà, xưởng, cầu, cống, sân bay, bến cảng phục vụ cho đời sống và sản xuất

C. Ứng dụng kiến thức chuyên môn về điện – điện tử để thiết kế hệ thống điện – điện tử đảm bảo an toàn, có độ tin cậy cao, không gây nguy hiểm cho người và môi trường.

D. Thiết kế các sản phẩm công nghệ cao, các thiết bị, hệ thống tự động hóa, thông minh phục vụ cho tự động hóa các hệ thống sản xuất, các hệ thống kỹ thuật và các lĩnh vực dịch vụ

Câu 29: Độ nhám càng nhỏ thì bề mặt.....:

A. Càng nhấp nhô **B.** Càng nhẵn. C. Càng dày D. Càng to

Câu 30: Đặc điểm, tính chất nghề liên quan đến thiết kế trong lĩnh vực điện – điện tử là:

A. Thiết kế được máy móc, thiết bị phục vụ cho đời sống và sản xuất.

B. Thiết kế các công trình xây dựng như nhà, xưởng, cầu, cống, sân bay, bến cảng phục vụ cho đời sống và sản xuất

C. Ứng dụng kiến thức chuyên môn về điện – điện tử để thiết kế hệ thống điện – điện tử đảm bảo an toàn, có độ tin cậy cao, không gây nguy hiểm cho người và môi trường.

D. Thiết kế các sản phẩm công nghệ cao, các thiết bị, hệ thống tự động hóa, thông minh phục vụ cho tự động hóa các hệ thống sản xuất, các hệ thống kỹ thuật và các lĩnh vực dịch vụ

Câu 31: Ren lỗ là:

A. Bi B. Vít **C.** đai ốc(Con tán) D. Bulông

Câu 32: Có mấy phương pháp và kỹ thuật chung hỗ trợ thiết kế kỹ thuật

A. 3 **B.** 5 C. 4 D. 6

Câu 33: Súng bắn đinh có phải là dụng cụ để hỗ trợ thiết kế kỹ thuật không?

A. Có B. Không

Câu 34: Phương pháp động não được sử dụng để huy động những ý tưởng mới mẻ,... hoặc phân tích để giải quyết những vấn đề trong quá trình thiết kế kỹ thuật

A. Khoa học B. Kỹ thuật C. Phổ biến **D.** Sáng tạo

Câu 35: Bản vẽ chi tiết **không** bao gồm thành phần nào?

A. Hình biểu diễn B. Kích thước **C.** Lí do thực hiện D. Khung tên.

Câu 36: Bảng kê trong bản vẽ lắp bao gồm những thông tin nào?

A. Tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo

B. Tên các chi tiết, quy trình thực hiện, thời gian thực hiện

C. Số lượng chi tiết, các xử lý chi tiết.

D. Vật liệu chế tạo, quy cách chế tạo, phương thức thể hiện

Câu 37: Bản vẽ chi tiết được dùng làm gì?

A. Làm hình ảnh minh họa trực quan các chi tiết của máy móc. B. Chế tạo và kiểm tra chi tiết.

C. Làm thành phần đưa vào thực hiện khi gia công sản phẩm. D. Chế tạo chi tiết

Câu 38: Trong bản vẽ chi tiết, các hình biểu diễn thể hiện:

A. Hình dạng, kích thước của chi tiết máy B. Hình dạng của ren xoắn

C. Cơ chế vận hành của chi tiết máy D. Trong bản vẽ chi tiết không có các hình biểu diễn.

Câu 39: Cho các bước tiến hành đọc bản vẽ nhà:

1. Đọc các hình cắt theo vị trí của mặt phẳng cắt ghi trên mặt bằng tầng một, kết hợp việc đọc mặt bằng mỗi tầng để hiểu rõ hơn không gian mỗi tầng bên trong nhà.

2. Lần lượt đọc bản vẽ mặt bằng các tầng để hiểu cách bố trí các khu chức năng bên trong ngôi nhà: hành lang, các phòng, các loại cửa, cầu thang, khu phụ,...

3. Trước hết đọc bản vẽ các mặt đứng để hình dung ra hình dáng kiến trúc bên ngoài ngôi nhà.

A. 1, 3, 2 **B.** 3, 2, 1 **C.** 2, 3, 1 **D.** 3, 1, 2

A. Cưa tay **B.** Tấm mica **C.** Máy khoan **D.** Súng bắn keo

A. Khung vẽ. **C.** Cả A và B.

B. Khung tên. **D. Đáp án khác.**

A. Thể hiện ý tưởng của nhà thiết kế.

B. Là tài liệu kỹ thuật để tiến hành chế tạo, thi công.

C. Là cơ sở để kiểm tra, đánh giá sản phẩm.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 43: Có mấy loại khổ giấy chính?

A. 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 6.

Câu 44: Quy định về đường kích thước:

A. Vẽ bằng nét liền mảnh, thường song song với kích thước được ghi, ở đầu mút đường kích thước thường có vẽ mũi tên.

B. Thường song song với kích thước được ghi, ở đầu mút đường kích thước thường có vẽ mũi tên.

C. Vẽ bằng nét liền mảnh, thường song song với kích thước được ghi

D. Đáp án khác

Câu 45: Có mấy loại mắt cắt?

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 46: Chữ viết trên bản vẽ thuật thể hiện qua:

A. Khở chữ. **B. Kiêu chữ.** **C. Cả A và B.** **D. Đáp án khác.**

Câu 47: Chiều rộng của nét chữ kí hiệu là:

A. h. **B.** d. **C.** R. **D.** r.

Câu 48: Nét liền đậm thể hiện:

A. Đường giống.

B. Đường kích thước. **D. Đường gạch trên mặt cắt.**

Câu 49: Bản chất của công nghệ đúc là:

A. Bóc đi lớp vật liệu thừa trên phôi, tạo ra chi tiết có hình dạng và kích thước chính xác theo yêu cầu.

B. Kim loại nấu chảy dưới dạng lỏng được rót vào khuôn, sau khi nguội và kết tinh sẽ tạo thành vật đúc có hình dạng và kích thước của lòng khuôn.

C. Sử dụng ngoại lực tác dụng lên vật liệu kim loại có tính dẻo, làm cho nó biến dạng thành sản phẩm có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

D. Tạo mối liên kết cố định giữa các chi tiết kim loại bằng cách nung nóng chảy kim loại ở vùng tiếp xúc, sau khi nguội các chi tiết liên kết tạo thành một khối

Câu 50: Khổ giấy chính là khổ giấy nào?

A. A4. **B.** A1. **C.** A0. **D.** A3.

Câu 51: Hãy quan sát hình vẽ và cho biết: Vai trò của bản vẽ mặt bằng nhà ở.

A. Cho biết phòng ngủ

B. Cho biết có bao nhiêu cửa

C. Cho biết bản vẽ nhà

D. Cho biết kích thước và cách bố trí các phòng, vật dụng, tiện ích trong phòng, lối đi lại; Vị trí, kích thước và độ dày của tường, giúp kỹ sư xây dựng và bố trí nội thất.

Câu 52: Phương pháp chiếu bao gồm:

A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất.

B. Phương pháp góc chiếu thứ ba.

Câu 53: Việt Nam thường sử dụng phương pháp góc chiếu nào?

A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất.

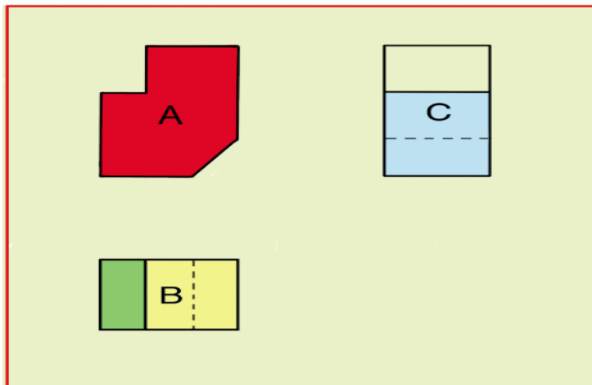
B. Phương pháp góc chiếu thứ ba.

C. Cả A và B.

D. Đáp án khác.

C. Cả A và B.

D. Đáp án khác.



Câu 54: Hình chiếu C được gọi là gì?

A. Hình chiếu đứng.

B. Hình chiếu bằng.

C. Hình chiếu cạnh.

D. Đáp án khác.

Câu 55: Mặt phẳng cắt được vẽ bằng

A. Nét gạch dài chấm đậm (nét cắt).

B. Hai mũi tên vẽ vuông góc với nét cắt.

C. Viết bằng chữ hoa ở bên cạnh nét cắt và ở phía trên hình cắt, mặt cắt.

D. Đáp án khác.

Câu 56: Khái niệm hình cắt toàn bộ:

A. Là hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng.

B. Là hình biểu diễn một phần của vật thể dưới dạng hình cắt, được ghép với hình chiếu của phần còn lại bằng nét lượn sóng mảnh.

C. Là hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt để cắt toàn bộ vật thể.

D. Đáp án khác.

Câu 57: Khái niệm hình cắt cục bộ:

A. Là hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng.

B. Là hình biểu diễn một phần của vật thể dưới dạng hình cắt, được ghép với hình chiếu của phần còn lại bằng nét lượn sóng mảnh.

C. Là hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt để cắt toàn bộ vật thể.

D. Đáp án khác.

Câu 58: Hình cắt có mấy phân loại?

A. 2.

B. 3.

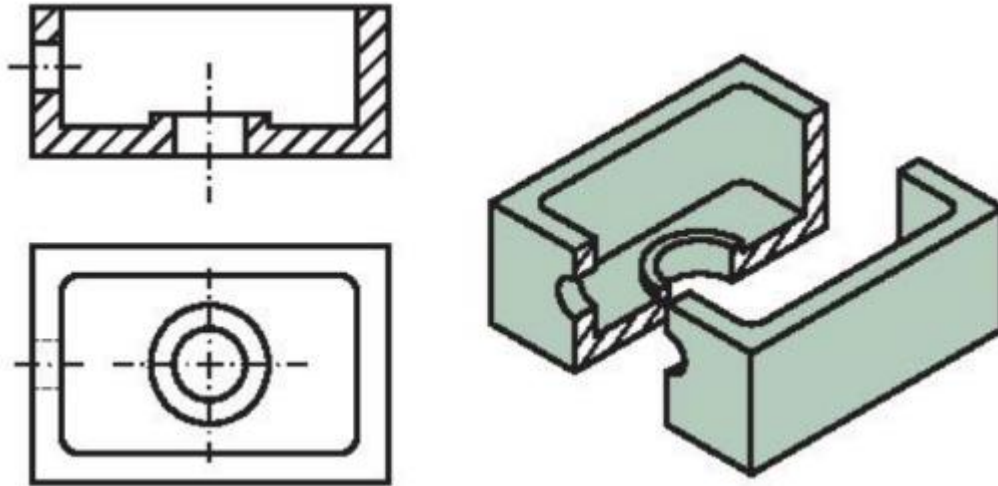
C. 4.

D. 5.

Câu 59: Hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng. Theo em, đây là khái niệm nào?

- A. Hình cắt toàn bộ.
- B. Mặt cắt chập.
- C. Hình cắt một nửa.**
- D. Mặt cắt rời.

Câu 60: Hình vẽ bên dưới biểu thị:

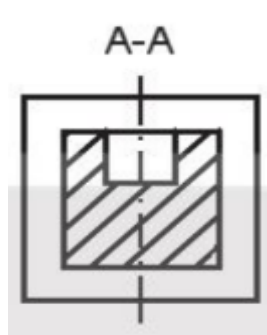


- A. Hình cắt toàn bộ.**
- B. Mặt cắt chập.
- C. Hình cắt một nửa.
- D. Mặt cắt rời.

Câu 61: Hình vẽ bên dưới là hình cắt hay mặt cắt?

- A. Mặt cắt.**
- B. Hình cắt.
- C. Cả A và B.
- D. Chưa xác định được.

Câu 62: Khái niệm mặt cắt chập:



- A. Là mặt cắt vẽ ở ngoài hình chiếu.
- B. Là hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt để cắt toàn bộ vật thể.
- C. Là hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng.
- D. Là mặt cắt được vẽ ngay trên hình chiếu.**

Câu 63: Khái niệm hình cắt bán phần:

- A. Là hình biểu diễn một phần của vật thể dưới dạng hình cắt, được ghép với hình chiếu của phần còn lại bằng nét lượn sóng mảnh.
- B. Là hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt để cắt toàn bộ vật thể.
- C. Là hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng.**
- D. Đáp án khác.

Câu 64: Hình cắt có mấy phân loại?

- A. 2.**
- B. 5.
- C. 4.
- D. 3.

Câu 65: Khái niệm hình cắt toàn bộ:

A. Là hình biểu diễn một phần của vật thể dưới dạng hình cắt, được ghép với hình chiếu của phần còn lại bằng nét lượn sóng mảnh.

B. Là hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng.

C. Là hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt để cắt toàn bộ vật thể.

D. Đáp án khác.

Câu 66: Khái niệm hình cắt bán phần:

A. Là hình biểu diễn với một nửa là hình chiếu, một nửa đối xứng kia là hình cắt, được sử dụng khi vật thể đối xứng.

B. Là hình biểu diễn một phần của vật thể dưới dạng hình cắt, được ghép với hình chiếu của phần còn lại bằng nét lượn sóng mảnh.

C. Là hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt để cắt toàn bộ vật thể.

D. Đáp án khác.

Câu 67: Người ta dùng hình cắt, mặt cắt để biểu diễn những vật như thế nào?

A. Có cấu tạo nguyên khối

B. Có cấu tạo không phức tạp

C. Có phần rỗng

D. Đáp án khác

Câu 68: Để hệ thống cảnh báo cháy hoạt động có cần tất cả tín hiệu đầu vào hay không?

A. Có

B. Không.

Câu 69: Nét liền đậm thể hiện:

A. Đường bao thấy, cạnh thấy.

C. Đường gióng.

B. Đường kích thước.

D. Đường gạch trên mặt cắt.

Câu 70: Nội dung và vị trí đặt của khung tên:

A. Ghi các nội dung về quản lý bản vẽ, đặt ở góc phải phía dưới bản vẽ.

B. Ghi các nội dung về quản lý bản vẽ, đặt ở góc trái phía dưới bản vẽ.

C. Ghi các nội dung về quản lý bản vẽ, đặt ở vị trí tùy ý.

D. Đáp án khác

Giáo viên

Hoàng Công Thắng

-Hết-